

CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Ngân Sơn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Trần Đăng Kiên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
Ông Đặng Xuân Phương	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thanh	Phó Giám đốc
Ông Trần Xuân Thịnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Thịnh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2011



Audit - Corporate Finance

Số: 16 /2011/AP-KT

Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, Tòa nhà 167, Phố Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: +84 (4) 62 782 904

Fax: +84 (4) 62 782 905

www.anphugroup.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Ngân Sơn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Ngân Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính được lập ngày 04/03/2011 và được trình bày từ trang số 4 đến trang số 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.

Cơ sở của ý kiến

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, trên cơ sở đánh giá rủi ro liên quan đến các sai sót trọng yếu phản ánh trên Báo cáo tài chính, do các gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cũng xem xét các thủ tục kiểm soát do Ban Giám đốc thực hiện nhằm lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp mà không nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

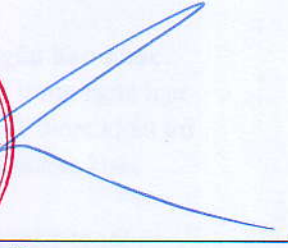
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý đến các vấn đề sau đây:

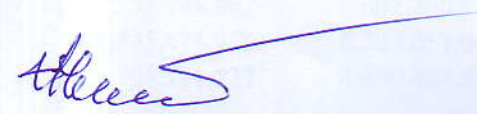
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản mục Hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2010 có giá trị khoảng 293 tỷ đồng bao gồm các loại nguyên liệu thuốc lá lá và nguyên liệu thuốc lá đã chế biến tồn kho với số lượng khoảng 6.082 tấn tương đương số tiền 292 tỷ đồng (Chiếm 64,82% tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2010), Công ty đã lập dự phòng cho số hàng tồn kho nói trên là 2,045 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc tiêu thụ số lượng nguyên liệu thuốc lá nói trên cùng với số thu mua của năm 2011 là hoàn toàn thực hiện được và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập là cần thiết và đủ bù đắp cho sự giảm giá của một số lô hàng tồn kho tại ngày 31/12/2010.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư khoản mục Người mua trả tiền trước của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 56 tỷ đồng bao gồm khoản trả trước của khách hàng ALLIANCE ONE INTERNATIONAL, AG số tiền 53 tỷ đồng tương ứng 634 tấn nguyên liệu thuốc lá đã chế biến. Theo hợp đồng, số lượng hàng nói trên phải được giao trong năm 2010. Tuy nhiên, do hạn chế từ phía khách hàng nên các Bên thống nhất điều chỉnh thời gian giao hàng chậm nhất đến ngày 31/03/2011 và 30/06/2011.
- Năm 2010, Công ty thực hiện trích quỹ tiền lương theo công văn số 1076/TLVN-TCNS ngày 31/12/2010 của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam về việc điều chỉnh tăng đơn giá tiền lương. Theo đó, quỹ tiền lương thực hiện năm 2010 của Công ty tăng so với quỹ tiền lương theo đơn giá tiền lương của năm 2009 là 4,3 tỷ đồng (Chưa bao gồm khoản chi phí nhân công thuê ngoài đang phản ánh trực tiếp vào chi phí dịch vụ mua ngoài của Xí nghiệp Chế biến nguyên liệu thuốc lá số tiền 2,9 tỷ đồng).




Nguyễn Đức Dương
Phó Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0387/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2010


Nguyễn Thương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0308/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2010

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		384.117.536.510	279.039.534.149
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.351.140.041	4.898.603.816
1. Tiền	111	4	7.351.140.041	4.898.603.816
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	75.854.947.370	83.730.533.751
1. Phải thu của khách hàng	131		67.180.222.116	76.342.479.658
2. Trả trước cho người bán	132		130.122.227	1.063.137.206
5. Các khoản phải thu khác	135		8.965.273.833	6.498.821.773
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(420.670.806)	(173.904.886)
IV. Hàng tồn kho	140	6	293.808.089.847	178.985.014.707
1. Hàng tồn kho	141		295.853.739.004	178.985.014.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.045.649.157)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.103.359.252	11.425.381.875
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		55.771.667	607.260.677
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.341.476.358	6.327.653.647
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		706.111.227	4.490.467.551
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.562.524.980	62.893.751.095
II. Tài sản cố định	220		38.823.684.709	38.228.200.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	37.569.766.349	37.095.793.808
- Nguyên giá	222		90.527.863.102	81.631.703.845
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.958.096.753)	(44.535.910.037)
3. Tài sản cố định vô hình	227		32.999.996	61.066.385
- Nguyên giá	228		248.797.000	248.797.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(215.797.004)	(187.730.615)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.220.918.364	1.071.339.875
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	11.525.503.614	10.250.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.000.000.000	3.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.750.000.000	6.750.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.224.496.386)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		17.213.336.657	14.415.551.027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	17.213.336.657	14.415.551.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		451.680.061.490	341.933.285.244

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2010

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		328.468.351.703	261.996.563.123
I. Nợ ngắn hạn	310		306.883.135.229	240.395.116.160
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	213.604.564.578	195.059.646.472
2. Phải trả cho người bán	312		2.027.105.881	13.073.625.959
3. Người mua trả tiền trước	313	12	56.120.128.043	37.300.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	14.327.554.801	15.223.507.945
5. Phải trả người lao động	315		3.930.824.581	2.099.038.537
6. Chi phí phải trả	316		246.633.164	95.457.007
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	16.106.098.485	14.217.723.843
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		520.225.696	588.816.397
II. Nợ dài hạn	330		21.585.216.474	21.601.446.963
3. Phải trả dài hạn khác	333	14	20.867.615.255	20.867.615.255
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	229.428.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		717.601.219	504.403.708
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.211.709.787	79.936.722.121
I. Nguồn vốn, quỹ	410	17	123.211.709.787	79.936.722.121
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	69.131.330.000	39.131.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.351.574.000	10.429.162.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.037.462.128	15.321.926.153
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.985.539.000	1.401.692.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		595.510.636	11.663.636
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.110.294.023	13.640.948.332
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		451.680.061.490	341.933.285.244

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		127.307.174.890	45.320.559.127
4. Nợ khó đòi đã xử lý		609.021.714	609.021.714
5. Nợ tài trợ các loại			
5. Nợ tài trợ các loại USD		1.799,17	1.607,00



Nguyễn Văn Thịnh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU B 02-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	526.142.659.014	592.834.059.358
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		526.142.659.014	592.834.059.358
4. Giá vốn hàng bán	11	19	438.874.336.047	555.011.277.459
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.268.322.967	37.822.781.899
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.319.455.713	12.595.198.334
7. Chi phí tài chính	22	21	31.345.818.000	9.941.116.708
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.564.956.452	8.858.043.590
8. Chi phí bán hàng	24		11.000.656.484	7.396.970.990
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.765.730.645	20.020.240.787
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		20.475.573.551	13.059.651.748
11. Thu nhập khác	31		131.706.787	2.691.212.956
12. Chi phí khác	32		43.456.611	145.923.753
13. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác	40		88.250.176	2.545.289.203
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế	50		20.563.823.727	15.604.940.951
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	22	5.081.761.619	1.963.992.619
17. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế TNDN	60		15.482.062.108	13.640.948.332
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.860	3.486



Nguyễn Văn Thịnh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU B 03-DN
ĐVT: VND
Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.563.823.727	15.604.940.951
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.115.861.806	7.779.131.716
- Các khoản dự phòng	03	3.516.911.463	(3.088.703.499)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.926.384)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.402.201.591)	(2.829.366.177)
- Chi phí lãi vay	06	29.564.956.452	8.858.043.590
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.359.351.857	26.322.120.197
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	10.741.394.046	(4.709.585.010)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(116.868.724.297)	(113.846.157.539)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	38.808.968.523	(27.295.065.157)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.246.296.620)	4.172.405.628
- Tiền lãi vay đã trả	13	(29.564.956.452)	(8.858.043.590)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.741.593.157)	(911.289.188)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	422.803.119	987.574.301
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(674.901.257)	(1.401.597.073)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(42.763.954.238)	(125.539.637.431)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(5.381.297.968)	(10.492.346.858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	110.119.168	926.824.496
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.768.305.556)	(8.735.938.845)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.722.683.191
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.319.455.713	208.133.877
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.720.028.643)	(13.370.644.139)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu tăng vốn	31	35.922.412.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	639.614.106.293	682.923.761.264
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(621.148.616.187)	(534.026.410.572)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức trả cho cổ đông	36	(5.451.383.000)	(7.043.639.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	48.936.519.106	141.853.711.292
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.452.536.225	2.943.429.722
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.898.603.816	1.953.247.710
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.926.384
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	7.351.140.041	4.898.603.816



Nguyễn Văn Thịnh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ngân Sơn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1738/QĐ-TCCB ngày 13/5/2005 và Quyết định số 2203/QĐ-TCCB ngày 4/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nguyên liệu Thuốc lá Bắc là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103009019 ngày 31/8/2005.

Công ty đã thực hiện thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6 với số vốn điều lệ là 69.131.330.000 đồng tương ứng với 6.913.133 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ 3.525.599 cổ phiếu tương ứng với 35.255.990.000 đồng, chiếm 51% % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thăng Long nắm giữ 394.170 cổ phiếu tương ứng với 3.941.700.000 đồng, chiếm 5,7 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn nắm giữ 371.647 cổ phiếu tương ứng với 3.716.470.000 đồng chiếm 5,38 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Viện Kinh tế kỹ thuật Thuốc lá nắm giữ 466.101 cổ phiếu tương ứng với 4.661.010.000 đồng chiếm 6,74 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Thanh Hóa nắm giữ 336.468 cổ phiếu tương ứng với 3.364.680.000 đồng chiếm 4,87 % vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Bắc Sơn nắm giữ 14.132 cổ phiếu tương ứng với 141.320.000 đồng chiếm 0,2% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.805.016 cổ phần tương ứng với 18.050.160.000 đồng, chiếm 26,11% vốn điều lệ.

Tổ chức của Công ty trong năm 2010 như sau:

- Văn phòng 1 tại xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;
- Văn phòng 2 tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Xí nghiệp chế biến Nguyên liệu thuốc lá tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngân Sơn tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 446 người, trong đó cán bộ quản lý là 32 người (Năm 2009 là 425 người và 32 người tương ứng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12 hàng năm (hoạt động đầu tư và thu mua nguyên liệu thuốc lá của vụ sau) của các chi nhánh được xác định bằng chi phí thực tế phát sinh quý 4 hàng năm, bao gồm các khoản chi phí tiền lương, chi phí điện, nước và các khoản chi phí khác.

Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp ít nhất 20% và không quá 50% quyền kiểm soát của bên nhận đầu tư được ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Lãi của các khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi có quyết định phân chia lợi nhuận chính thức của công ty liên kết.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng hoàn thành nhưng chưa được duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá trị bàn giao dựa trên quyết toán giữa hai bên hoặc giá trị khối lượng thi công thực tế đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt sẽ điều chỉnh nguyên giá theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 6
Tài sản khác	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị của chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính với nguyên giá là 248.797.000 đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm. Số khấu hao lũy kế đến 31/12/2010 là 215.797.004 đồng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất (giai đoạn trước khi đưa dây chuyền chế biến nguyên liệu thuốc lá vào hoạt động), lãi vay trả tiền thuê đất, phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, lãi vay trả tiền thuê đất, chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thể hiện số tiền Công ty đã thanh toán để thuê 10 ha đất được trả trước cho Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng. Công ty Cổ phần Ngân Sơn sử dụng 06 ha, phần 04 ha còn lại là quỹ đất phát triển của dự án cho mục đích khác phục vụ ngành thuốc lá. Phí sử dụng cơ sở hạ tầng của phần diện tích 06 ha hiện tại được Công ty phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 49 năm 03 tháng. Đối với 04 ha còn lại, theo chỉ đạo của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, Công ty đã sử dụng nguồn vốn của Tổng Công ty để thanh toán tiền thuê đất. Khoản thanh toán này được Công ty theo dõi trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" và không được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá

Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá được trích bằng 1% giá mua nguyên liệu thuốc lá bán ra trong kỳ theo quy định tại Thông tư 164/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính quy định về việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá. Năm 2010, Công ty chưa thực hiện trích quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá với giá trị khoảng 2,38 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các tài khoản này được phản ánh vào khoản mục 'Chênh lệch tỷ giá' trên Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/12/2009 về hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Công ty thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% (Từ năm 2009 trở về trước, Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày của bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	2.063.695.978	1.599.559.169
Tiền gửi ngân hàng	5.287.444.063	3.299.044.647
Cộng	7.351.140.041	4.898.603.816

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu của khách hàng	67.180.222.116	76.342.479.658
Trả trước cho người bán	130.122.227	1.063.137.206
Các khoản phải thu khác	8.965.273.833	6.498.821.773
Cộng	76.275.618.176	83.904.438.637
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(420.670.806)	(173.904.886)
Tổng cộng	75.854.947.370	83.730.533.751

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	92.577.823.694	99.858.294.740
Công cụ, dụng cụ	400.708.041	189.010.547
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.160.046.692	1.903.154.681
Thành phẩm	200.216.596.622	76.605.082.076
Hàng hoá	498.563.955	429.472.663
Cộng	295.853.739.004	178.985.014.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.045.649.157)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	293.808.089.847	178.985.014.707

Số dư khoản mục Hàng tồn kho nói trên bao gồm các loại nguyên liệu thuốc lá lá và nguyên liệu thuốc lá đã chế biến tồn kho với số lượng khoảng 6.082 tấn tương đương số tiền 292 tỷ đồng (Chiếm 64,82% tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2010), Công ty đã lập dự phòng cho số hàng tồn kho nói trên là 2,045 tỷ đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc tiêu thụ số lượng nguyên liệu thuốc lá nói trên cùng với số thu mua của năm 2011 là hoàn toàn thực hiện được và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập là cần thiết và đủ bù đắp cho sự giảm giá của một số lô hàng tồn kho tại ngày 31/12/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2010	48.348.293.949	22.854.907.852	8.135.150.612	1.460.689.805	832.661.627	81.631.703.845
Tăng trong năm	6.848.698.299	587.264.642	1.324.851.816	537.876.491	290.450.000	9.589.141.248
Mua sắm mới	-	587.264.642	1.324.851.816	415.085.636	290.450.000	2.617.652.094
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.848.698.299	-	-	122.790.855	-	6.971.489.154
Giảm trong năm	-	-	642.425.857	50.556.134	-	692.981.991
Thanh lý, nhượng bán	-	-	642.425.857	-	-	642.425.857
Giảm khác	-	-	-	50.556.134	-	50.556.134
Số dư tại ngày 31/12/2010	55.196.992.248	23.442.172.494	8.817.576.571	1.948.010.162	1.123.111.627	90.527.863.102
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2010	20.871.379.747	17.129.684.245	4.955.474.052	1.147.496.597	431.875.396	44.535.910.037
Tăng trong năm	5.548.416.119	2.397.849.281	772.665.328	255.270.441	113.594.248	9.087.795.417
Khấu hao trong năm	5.548.416.119	2.397.849.281	772.665.328	255.270.441	113.594.248	9.087.795.417
Giảm trong năm	-	-	623.475.441	42.133.260	-	665.608.701
Thanh lý, nhượng bán	-	-	623.475.441	-	-	623.475.441
Giảm khác	-	-	-	42.133.260	-	42.133.260
Số dư tại ngày 31/12/2010	26.419.795.866	19.527.533.526	5.104.663.939	1.360.633.778	545.469.644	52.958.096.753
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại ngày 01/01/2010	27.476.914.202	5.725.223.607	3.179.676.560	313.193.208	400.786.231	37.095.793.808
Số dư tại ngày 31/12/2010	28.777.196.382	3.914.638.968	3.712.912.632	587.376.384	577.641.983	37.569.766.349

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.117.148.429 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp cho khoản vay Ngân hàng Liên Việt là: 4.124.126.210 đồng (xem Thuyết minh số 10).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị	Số tiền	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Âu Cơ	5.000.000.000	25%	Sản xuất, mua bán thực phẩm chức năng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	6.750.000.000	5%	Kinh doanh, môi giới chứng khoán
Công ty Cổ phần thương mại Vinawa	1.000.000.000	10%	
Cộng	12.750.000.000		
Dự phòng giảm đầu tư dài hạn	(1.224.496.386)		
Giá trị thuần các khoản đầu tư dài hạn	11.525.503.614		

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền thuê đất Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh	15.720.197.641	13.514.451.460
Giá trị CCDC chờ phân bổ	1.196.301.708	342.910.076
Khác	296.837.308	558.189.491
Cộng	17.213.336.657	14.415.551.027

10. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	213.525.136.578	195.059.646.472
Ngân hàng Công thương VN - CN Đông Anh (i)	168.411.543.178	149.613.426.882
Ngân hàng Hồng Công Thương Hải - HSBC		11.500.000.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt (ii)	36.607.633.400	26.999.534.590
Ngân hàng NN&PTNT - CN Lạng Sơn (iii)	8.505.960.000	6.946.685.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	79.428.000	-
Cộng	213.604.564.578	195.059.646.472

(i): Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số 64/HĐTD-NH-NHCT ĐA ngày 27/5/2010, mục đích: vay vốn lưu động mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu và các chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức vay là 250.000.000.000 VND, hạn mức được duy trì đến hết ngày 21/5/2011. Đồng tiền cho vay là USD hoặc VND. Thời hạn mỗi khoản vay tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất từng lần giải ngân được ghi trên giấy nhận nợ, áp dụng mức lãi suất thỏa thuận giữa ngân hàng với khách hàng theo quy định của Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương – chi nhánh Đông Anh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

(ii) : Vay Ngân hàng TMCP Liên Việt - chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 51810/HĐHMTD-LienVietBank ngày 16/8/2010, mục đích : bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh. Hạn mức vay là 70.000.000.000 VND, thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đồng tiền cho vay là VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn mỗi khoản vay tối đa không quá 5 tháng. Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Liên Việt tùy thuộc vào từng thời điểm giải ngân và được ghi trên khế ước nợ mỗi lần rút vốn. Khoản vay được thế chấp bằng hàng hóa luân chuyển bao gồm nguyên liệu, thành phẩm để sản xuất thuốc lá theo Hợp đồng thế chấp số 5180-HN/HĐTC ngày 16/8/2010; Thế chấp nhà xưởng theo Hợp đồng số 5180-HN/HĐTC.01 ngày 16/8/2010, bao gồm: Nhà kho thành phẩm thuộc Xưởng chế biến nguyên liệu thuốc lá tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Nhà kho nguyên liệu đầu vào và lán trồng thuộc Xưởng chế biến nguyên liệu thuốc lá tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn và Nhà kho nguyên liệu (mua thanh lý nhà kho + văn phòng Công ty TNHH Long Hà) tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn.

(ii) : Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn được Công ty ủy quyền cho Chi nhánh Lạng Sơn ký với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND (hợp đồng số 8400-LAV-200800900 ngày 21/05/2010). Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi vay là 1,17%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và điều chỉnh theo biến động của lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Các khoản vay ngắn hạn này nhằm mục đích kinh doanh thuốc lá lá, thuốc lá bao, sản xuất bình bơm thuốc trừ sâu. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.040.751.801	4.943.796.792
Thuế xuất nhập khẩu	6.989.273.334	9.277.747.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.277.923.526	937.755.064
Các loại thuế khác	19.606.140	64.209.055
Cộng	14.327.554.801	15.223.507.945

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
ALLIANCE ONE INTERNATIONAL, AG	53.978.861.415	-
Khác	2.141.266.628	37.300.000
Cộng	56.120.128.043	37.300.000

Công ty ALLIANCE ONE INTERNATIONAL, AG trả trước số tiền 53,9 tỷ đồng cho hợp đồng mua 634 tấn nguyên liệu thuốc lá đã chế biến. Theo hợp đồng, số lượng hàng nói trên phải được giao trong năm 2010. Tuy nhiên, do hạn chế từ phía khách hàng nên các Bên thống nhất điều chỉnh thời gian giao hàng chậm nhất đến ngày 31/03/2011 và 30/06/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>1/1/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng công ty hỗ trợ phí tài chính trong quá trình cổ phần hóa theo Quyết định số 343/TCVN- QĐ- TCKT ngày 20/10/2004. Thời hạn cho vay đến khi Công ty hoàn thành công tác cổ phần hóa dưới hình thức cho vay không tính lãi để hỗ trợ chi phí.	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng Công ty hỗ trợ Công ty theo hình thức cho vay không tính lãi theo Quyết định số 158/TLVN - QĐ - TCKT ngày 5/7/2004. Thời hạn vay từ tháng 4/2010 đến ngày 31/12/2004	4.316.817.988	4.316.817.988
Tổng Công ty hỗ trợ công ty theo hình thức cho vay không tính lãi khi thực hiện công tác cổ phần hóa theo Quyết định 266/TLVN - QĐ - TCKT ngày 9/5/2005. Thời hạn vay 3 năm kể từ 5/2005 đến 5/2008	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải trả cổ tức phân phối lợi nhuận 2009 Tổng công ty	1.592.256.400	
Khác	1.197.024.097	900.905.855
Cộng	<u>16.106.098.485</u>	<u>14.217.723.843</u>

14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Số dư khoản phải trả dài hạn khác tại ngày 31/12/2010 của Công ty là 20.867.615.255 đồng phản ánh khoản phải trả Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam về Quỹ đầu tư trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2010</u> VND	<u>01/01/2010</u> VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	6.913.133	3.913.133
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	6.913.133	3.913.133
<i>Cổ phiếu thường</i>	6.913.133	3.913.133
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.913.133	3.913.133
<i>Cổ phiếu thường</i>	6.913.133	3.913.133
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

16. CHI TIẾT VỀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>31/12/2010</u> VND	<u>01/01/2010</u> VND
Vốn góp của nhà nước	35.255.990.000	19.956.980.000
Vốn góp của các đối tượng khác	33.875.340.000	19.174.350.000
Cộng	<u>69.131.330.000</u>	<u>39.131.330.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại 01/01/2010	39.131.330.000	10.429.162.000	13.640.948.332	15.321.926.153	1.401.692.000	11.663.636
Tăng trong năm	30.000.000.000	5.922.412.000	15.482.062.108	3.715.535.975	583.847.000	583.847.000
Tăng vốn trong năm	30.000.000.000	5.922.412.000				
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-		3.715.535.975	583.847.000	583.847.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	15.482.062.108			
Tăng khác	-	-				
Giảm trong năm	-	-	13.012.716.417	-	-	-
Trả cổ tức cho cổ đông	-	-				
Phân phối tới các quỹ	-	-	13.012.716.417			
Chi tiêu các quỹ	-	-				
Tại 31/12/2010	69.131.330.000	16.351.574.000	16.110.294.023	19.037.462.128	1.985.539.000	595.510.636

Trong năm Công ty phát hành thêm 3.000.000 cổ phiếu với tổng số tiền thu từ phát hành thêm cổ phiếu là 35.922.412.000 đồng

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 151/NQ-NSC ngày 28/04/2010 về việc phân chia lợi nhuận năm 2009, chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Chỉ tiêu	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận để phân phối	13.012.716.417	13.713.688.035
Chi trả cổ tức (theo tỷ lệ 18%/vốn)	7.043.639.400	7.043.639.400
Phân phối các quỹ	5.969.077.017	6.670.048.635
Chi nộp phạt thuế	202.000.042	-
Quỹ dự phòng tài chính	583.847.000	493.692.000
Quỹ khen thưởng	333.539.000	296.215.000
Quỹ phúc lợi	350.308.000	197.477.000
Quỹ thưởng ban điều hành	200.000.000	200.000.000
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	583.847.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.715.535.975	5.482.664.635
- Bổ sung từ thuế TNDN được miễn giảm	1.963.992.618	3.839.832.650
- Trích từ lợi nhuận	1.751.543.357	1.642.831.985

18. DOANH THU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán nguyên liệu thuốc lá	491.189.240.753	548.955.556.041
Doanh thu khác	34.953.418.261	43.878.503.317
Cộng	526.142.659.014	592.834.059.358

19. GIÁ VỐN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn thuốc lá nguyên liệu	406.562.917.102	518.294.091.785
Giá vốn khác	30.265.769.788	36.717.185.674
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.045.649.157	-
Cộng	438.874.336.047	555.011.277.459

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	722.799.839	395.105.179
Cổ tức, lợi nhuận được chia	404.777.250	50.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.191.878.624	11.557.695.250
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	591.897.905
Tổng cộng	3.319.455.713	12.595.198.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	29.564.956.452	8.858.043.590
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	32.851.811
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	-	(1.481.144.346)
Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán	1.224.496.386	-
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	556.365.162	2.531.365.653
Tổng cộng	31.345.818.000	9.941.116.708

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.563.823.727	15.604.940.951
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
- Các khoản điều chỉnh tăng: Thù lao thành viên HĐQT, BKS	168.000.000	157.500.000
- Các khoản điều chỉnh giảm: Cổ tức được chia (CLC)	404.777.250	50.500.000
Tổng thu nhập chịu thuế	20.327.046.477	15.711.940.951
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.081.761.619	3.927.985.238
Thuế thu nhập được miễn giảm	-	1.963.992.619
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.081.761.619	1.963.992.619

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận sau thuế	15.482.062.108	13.640.948.332
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	5.413.133	3.913.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.860	3.486

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh	887.798.148	887.798.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.426.535.962	3.426.535.962
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.093.768.000	4.996.861.962
Sau năm thứ năm	16.260.978.000	16.784.420.000
Tổng cộng	<u>21.781.281.962</u>	<u>25.207.817.924</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Tổng số tiền thuê 80.000m² tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh với thời hạn thuê 49 năm 3 tháng, kể từ ngày 23/9/2000 với Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng theo Hợp đồng thuê đất số 06/2008/CTHT-HĐKT ngày 01/11/2008. Theo đó: phí sử dụng cơ sở hạ tầng là 5.354 đồng/m²/năm chưa bao gồm thuế GTGT, tổng cộng tiền phí sử dụng cơ sở hạ tầng mà công ty phải thanh toán cho 49.25 năm là 22.989.950.287 đồng, tính đến thời điểm 31/12/2010 công ty đã thanh toán trả 15.720.197.641 đồng, số còn lại phải thanh toán nốt trong 01 năm tiếp theo; phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 0.30 USD/m²/năm chưa bao gồm thuế GTGT, tổng cộng tiền thanh toán phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng hạ tầng mỗi năm là 26.400USD; tiền thuê đất thực hiện theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành; Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 71/GCNUĐĐT-BN ngày 20/01/2005 của UBND tỉnh Bắc Ninh, Công ty được miễn nộp tiền thuê đất 10 năm đầu và giảm 50% cho những năm hoạt động còn lại của Dự án.

Tổng số tiền thuê 8.149 m² tại xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, thời hạn sử dụng 30 năm kể từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2023 theo Quyết định số 5502/QĐ-UB ngày 3/8/2005 của UBND thành phố Hà Nội quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

25. SỔ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Sổ dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	36.349.759.175	39.890.730.795
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	23.499.840.000	25.290.419.845
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	-	2.023.861.613
Công ty Liên doanh BAT - Vinataba	242.880.000	209.580.000
Công ty Thương mại thuốc lá	-	7.000.000
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	35.776.689.643	34.184.433.243
Công ty Thương mại Thuốc lá	-	-
Công ty TNHH MTV Viện KTKT Thuốc lá	-	28.061.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	150.648.709.600	155.243.586.744
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	965.053.200	11.364.396.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	47.908.149.818	63.739.129.385
Công ty TNHH MTV Viện KTKT Thuốc lá	109.641.990	273.086.404
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	-	115.200.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	-	7.600.000.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	943.824.800	4.964.878.100
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	-	12.160.000.000
Công ty Liên doanh BAT - Vinataba	37.854.250.130	35.415.121.100
Công ty Thương mại Thuốc lá	-	7.720.000
Công ty Liên doanh Thuốc lá VINASA	3.144.478.000	-
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	19.561.596.500	18.133.905.400
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	-	7.524.000.000
Mua hàng hóa		
Công ty Thương mại thuốc lá	3.964.866.398	7.342.770.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	3.013.601.319	1.179.950.000
Công ty TNHH MTV Viện KTKT Thuốc lá	438.580.839	535.871.594

26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

27. THÔNG TIN KHÁC

Nghị quyết số 151/NQ-NSC ngày 28/04/2010 của hội đồng cổ đông Công ty về việc đầu tư Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá với những chỉ số sơ bộ của phương án đầu tư gồm:

- Nguồn thiết bị: Thiết bị đồng bộ đã qua sử dụng công suất 4T/h, có nguồn gốc Châu Âu được tân trang đạt tiêu chuẩn chất lượng > 80% so với thiết bị mới.
- Tổng mức đầu tư 115 tỷ đồng, cơ cấu nguồn vốn bao gồm vốn tự có của Công ty khoảng 10%, vốn vay từ hệ thống ngân hàng khoảng 40%, vốn phát hành phục vụ dự án khoảng 50%.
- Tiến độ thực hiện: hoàn thành sau 1,5 năm kể từ khi được phê duyệt, phần đầu đưa dây chuyền vào phát huy tác dụng trong thời gian sớm nhất của năm kế hoạch 2011.
- Ngày 30/7/2010 Bộ Công thương đã có văn bản số 7068/BCT chấp thuận chủ trương đầu tư dây chuyền sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá; Ngày 03/8/2010 Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam đã có văn bản số 588/TLVN-ĐT về việc cho phép triển khai lập Dự án tiền khả thi công trình (Báo cáo đầu tư); Quyết định số 598/QĐ-NSC ngày 27/9/2010 của Chủ tịch Hội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

đồng quản trị công ty về việc phê duyệt Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực so chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá của Công ty cổ phần Ngân Sơn với tổng thời gian thực hiện dự án là 15 tháng kể từ ngày dự án được phê duyệt.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu năm 2009 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán An Phú.

